

Số: 621/QĐ-ĐHKTL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định đào tạo cử nhân tài năng hệ đại học chính quy giai đoạn 2018-2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 262/QĐ-ĐHQG ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP.HCM về việc ban hành Quy chế đào tạo Đại học theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 200/QĐ-ĐHQG ngày 07 tháng 3 năm 2018 về phê duyệt đề án chương trình đào tạo tài năng trình độ đại học giai đoạn 2018-2022;

Căn cứ Quyết định số 1643/QĐ-ĐHQG ngày 28/12/2018 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc phê duyệt đề án đào tạo chương trình đào tạo tài năng trình độ đại học của Trường Đại học Kinh tế - Luật giai đoạn 2018-2022;

Căn cứ Quyết định số 789/QĐ-ĐHKTL ngày 09 tháng 8 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc ban hành Quy chế đào tạo Đại học;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy định đào tạo cử nhân tài năng hệ đại học chính quy giai đoạn 2018-2022 của Trường Đại học Kinh tế - Luật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng Phòng, Khoa, Bộ môn và các đơn vị thuộc Trường Đại học Kinh tế - Luật chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.Đào tạo.



Nguyễn Tiên Dũng

QUY ĐỊNH

**Đào tạo cử nhân tài năng
hệ đại học chính quy giai đoạn 2018-2022**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 61/QĐ-ĐHKTL ngày 03 tháng 01 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định việc tổ chức giảng dạy chương trình đào tạo cử nhân tài năng hệ đại học chính quy tại Trường Đại học Kinh tế - Luật;
2. Quy định này áp dụng cho sinh viên đang theo học chương trình đào tạo cử nhân tài năng giai đoạn 2018-2022 hệ đại học chính quy của Trường Đại học Kinh tế - Luật.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chương trình đào tạo đại trà là chương trình đào tạo hệ đại học chính quy đang được triển khai tại Trường với mức trần học phí theo quy định hiện hành;
2. Chương trình đào tạo cử nhân tài năng (viết tắt là CT CNTT) là chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở chương trình đào tạo đại trà và có chuẩn đầu ra cao hơn. Nội dung chương trình có bổ sung các học phần mới, các chuyên đề mở rộng và chuyên sâu;

3. Môn học tài năng và tín chỉ tài năng

a) Môn học tài năng là môn học được thiết kế riêng đối với CT CNTT, bao gồm:

- Môn học tài năng được xây dựng hoàn toàn mới;
- Môn học tài năng được xây dựng từ các môn học trong chương trình đại trà có bổ sung thêm phần nâng cao để đạt chuẩn đầu ra cao hơn. Phần nâng cao có thể được tổ chức dưới dạng chuyên đề, đề án, tiểu luận...

b) Tín chỉ tài năng là số tín chỉ thuộc môn học tài năng.

Điều 3. Mục tiêu chương trình đào tạo cử nhân tài năng

1. Chương trình được xây dựng linh hoạt, chú trọng đến phát huy khả năng của sinh viên trong việc mở rộng kiến thức, phát triển kỹ năng, tính tự chủ và trách nhiệm;



2. Xây dựng môi trường học thuật và sinh hoạt tốt cho phép sinh viên trao đổi kiến thức, phát triển khả năng nghiên cứu khoa học, hoàn thiện kỹ năng chuyên môn, phát huy khả năng tư duy sáng tạo và hình thành ý thức trách nhiệm cộng đồng xã hội.

3. Chương trình đào tạo Cử nhân tài năng sẽ tạo ra những tiền đề, nền tảng vững chắc để nâng cao chất lượng đào tạo các chuyên ngành thuộc khối ngành Kinh tế, Quản lý và Luật, đáp ứng tốt mục tiêu đào tạo chất lượng cao của ĐHQG-TP.HCM.

4. Chương trình đào tạo Cử nhân tài năng đào tạo cho xã hội những chuyên gia Kinh tế, Quản lý và Luật, các nhà khoa học có khả năng phản biện, tư vấn chính sách kinh tế cho chính phủ và doanh nghiệp, phục vụ cho quá trình đẩy nhanh Công nghiệp hóa, Hiện đại hoá ở Việt Nam hiện nay.

Điều 4. Nguyên tắc đào tạo chương trình cử nhân tài năng

1. Đối tượng tham gia chương trình tài năng là những sinh viên có năng lực tốt trong học tập, nghiên cứu khoa học và có tố chất lãnh đạo;

2. Chương trình đào tạo được xây dựng với chuẩn đầu ra cao hơn và mở rộng hơn so với chương trình đại trà. Người học tham gia vào chương trình không chỉ được nâng cao về mặt kiến thức mà còn được hoàn thiện kỹ năng và thái độ nhằm đáp ứng nhu cầu cao của xã hội;

3. Các môn học tài năng, các chuyên đề chuyên sâu được giảng dạy theo nguyên tắc gắn liền với thực tiễn, với nghiên cứu khoa học nhằm phát triển kiến thức và kỹ năng cần thiết;

4. Chương trình đề cao tính chủ động của người học, sinh viên phải tích cực chủ động trong học tập và được cố vấn chuyên môn trực tiếp hướng dẫn trong quá trình học;

5. Điều kiện và môi trường học tập được đảm bảo tốt giúp người học thể hiện và phát huy tối đa năng lực của mình.

Điều 5. Ngành đào tạo Cử nhân tài năng

Tất cả các chương trình đào tạo của Trường tham gia đề án đào tạo Cử nhân tài năng hệ đại học chính quy giai đoạn 2018 - 2022

CHƯƠNG II

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Điều kiện ứng tuyển CT CNTN

Sinh viên ứng tuyển tham gia CT CNTN có các điều kiện sau:

1. Đã trúng tuyển đại học chính quy của trường;
2. Được tuyển chọn từ năm thứ nhất hoặc năm thứ hai theo chỉ tiêu được xác định;
3. Có kết quả trúng tuyển vào đại học cao và điểm trung bình học tập tích lũy (ĐTBTTL) từ 7,5;
4. Sinh viên phải tích lũy tối thiểu 90% số tín chỉ theo chương trình đào tạo của các học kỳ trước khi ứng tuyển vào CT CNTN;
5. Điểm rèn luyện của các học kỳ trước thời điểm xét tuyển đều từ 90 điểm trở lên;
6. Có năng lực tiếng Anh tương đương TOEIC 450 hoặc điểm trung bình các học phần tiếng Anh từ 7,0 trở lên (tham khảo bảng phụ lục quy đổi các chứng chỉ tiếng Anh đính kèm QĐ1525/QĐ-ĐHKTL ngày 12/12/2018 của Hiệu trưởng trường ĐH Kinh tế - Luật ban hành Quy định tổ chức giảng dạy, học tập tiếng Anh và chuẩn trình độ ngoại ngữ);
7. Sinh viên ứng tuyển vào chương trình cử nhân tài năng đúng với chương trình đào tạo đang theo học;
8. Tùy điều kiện thực tế tổ chức từng năm, Ban Điều hành (BDH) đề án có thể quyết định bổ sung tiêu chí tuyển chọn khác nhau cho phù hợp với từng chương trình tài năng.

Điều 7. Phương thức tuyển chọn sinh viên

1. Đối tượng tuyển chọn: sinh viên thuộc các chương trình đại trà và chương trình chất lượng cao (không bao gồm chất lượng cao bằng tiếng Anh) có đủ điều kiện ứng tuyển;
2. Xét tuyển sinh: căn cứ trên số lượng hồ sơ nộp ứng tuyển, Ban Điều hành đề án tiến hành thẩm định hồ sơ để xét tuyển hoặc kết hợp tổ chức kỳ thi tuyển bổ sung.
3. Sàng lọc và xét tuyển bổ sung
 - a) Sàng lọc gồm 2 đợt được thực hiện vào cuối học kỳ IV và VI. Xét tuyển bổ sung gồm 1 đợt được thực hiện vào cuối học kỳ IV. Sinh viên không đủ điều kiện tiếp tục theo học CT CNTN bắt buộc quay trở lại chương trình đã học trước đó;
 - b) Sinh viên sẽ bị sàng lọc loại khỏi chương trình CNTN nếu không đảm bảo 1 trong các tiêu chí sau:
 - Có điểm trung bình học tập tích lũy đến thời điểm sàng lọc dưới 7,5;
 - Có điểm trung bình các học phần tiếng Anh thấp hơn 7,0;

- Có điểm rèn luyện thấp dưới 90 điểm;
- Những điều kiện khác tùy vào tình hình thực tế do trường Ban Điều hành đề án quy định.

c) Sinh viên thuộc chương trình đại trà, chất lượng cao (C) được xét tuyển bổ sung vào CT CNTN nếu có đầy đủ các điều kiện sau:

- Sinh viên hội đủ các điều kiện xét tuyển bổ sung và có nguyện vọng tham gia CT CNTN phải thực hiện thủ tục đăng ký xét tuyển bổ sung trong thời hạn quy định;
- Thời hạn tuyển bổ sung không được trễ hơn học kỳ V;
- Những điều kiện khác tùy vào tình hình triển khai do trường BĐH quy định.

d) Quyết định danh sách trúng tuyển, chuyển đổi sinh viên giữa CT CNTN và chương trình đại trà do Ban Giám hiệu trường Đại học Kinh tế - Luật ký và công nhận.

Điều 8. Tổ chức và quản lý đào tạo

1. Sinh viên học tập và tham gia các hoạt động tại lớp hiện hành;

2. Đối với môn học tài năng được xây dựng hoàn toàn mới:

a) Được tổ chức thành lớp riêng với quy mô nhỏ, có trang bị đầy đủ tiện nghi để tổ chức giảng dạy và học tập;

b) Tất cả chương trình đào tạo cử nhân tài năng yêu cầu 2 môn học bắt buộc: Nghiên cứu khoa học (3TC) và Nghệ thuật lãnh đạo (Leadership) (3TC);

c) Khóa luận tốt nghiệp (6TC) và báo cáo thực tập (4TC) được tính là môn học tài năng có yêu cầu chuẩn đầu ra cao hơn chương trình đại trà;

d) Cách thức tính điểm môn học: tương tự cách tính điểm các môn học trong chương trình đại trà.

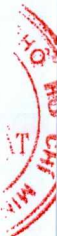
3. Đối với môn học tài năng được xây dựng từ các môn học trong chương trình đại trà có bổ sung thêm phần nâng cao:

a) Được tổ chức học cùng với các môn học trong chương trình đại trà có bổ sung thêm phần nâng cao, ưu tiên các môn học tài năng được tổ chức giảng dạy và học tập bằng tiếng Anh;

b) Phần nâng cao (NC) có thể được tổ chức dưới dạng chuyên đề, đề án, tiểu luận;

4. Cách thức tính điểm môn học: cơ cấu điểm gồm 2 phần: phần nâng cao chiếm 25% và phần học chung với chương trình đại trà chiếm 75%. Sinh viên tài năng phải tham gia học, kiểm tra, đánh giá giống như các sinh viên khác để nhận điểm phần học chung;

5. Sinh viên có nhu cầu học cải thiện, học vượt môn học tài năng phải đăng ký tập trung với Phòng Đào tạo và Khoa ở đầu mỗi học kỳ, để được bố trí các học phần nâng cao tương ứng.



Điều 9. Giảng viên, trợ giảng, cố vấn chuyên môn

1. Giảng viên

- a) Có trình độ thạc sĩ trở lên. Riêng giảng viên dạy lý thuyết các học phần thuộc khối kiến thức ngành, chuyên ngành phải có trình độ tiến sĩ hoặc chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có trình độ thạc sĩ tốt nghiệp ở các trường đại học của các nước phát triển đúng ngành hoặc thuộc ngành gần (đối với các ngành đặc thù);
- b) Có năng lực chuyên môn, nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của chương trình tài năng; Có kinh nghiệm giảng dạy liên quan tới ngành đào tạo chương trình tài năng; Có phương pháp giảng dạy tiên tiến và hiệu quả; Áp dụng tốt công nghệ thông tin trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học; Có khả năng hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, trình bày công bố khoa học, bài báo khoa học;
- c) Giảng viên dạy các học phần chuyên môn bằng ngoại ngữ, ngoài các tiêu chuẩn nêu trên, phải có trình độ ngoại ngữ bậc 5/6 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc tương đương) hoặc được đào tạo trình độ đại học trở lên toàn thời gian ở nước ngoài bằng ngôn ngữ đó;
- d) Mời giảng viên uy tín của các trường đại học nước ngoài (bao gồm cả giảng viên Việt Nam có quốc tịch nước ngoài) hoặc giảng viên Việt Nam đã tham gia giảng dạy trình độ đại học trở lên ở nước ngoài hoặc giảng viên đã được đào tạo trình độ tiến sĩ ở nước ngoài, đáp ứng yêu cầu của CT CNTN tham gia giảng dạy các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành;
- e) Phân công giảng viên giảng dạy thực hiện theo quy trình: Khoa/Bộ môn phụ trách chuyên môn đề xuất danh sách giảng viên giảng dạy; Thường trực BDH phân công cụ thể giảng viên; Hiệu trưởng quyết định danh sách phân công giảng dạy.

2. Trợ giảng

- a) Trợ giảng phải có đủ năng lực chuyên môn, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của học phần, sử dụng tốt các thiết bị hiện đại phục vụ giảng dạy để hỗ trợ giảng viên trong hướng dẫn sinh viên thực hiện bài tập, hướng dẫn thực hành, thảo luận, seminar và khoá luận tốt nghiệp;
- b) Nghiên cứu sinh, học viên cao học và sinh viên giỏi ở các CT CNTN có thể tham gia làm trợ giảng.
- c) Phân công trợ giảng thực hiện theo quy trình: trong quy định trợ giảng hiện hành của Trường.

3. Cố vấn chuyên môn

- a) Cố vấn chuyên môn phải có kinh nghiệm, năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học, được tuyển chọn trong đội ngũ giảng viên của Khoa/Bộ môn;
- b) Cố vấn chuyên môn có nhiệm vụ định hướng và hướng dẫn sinh viên trong: học tập, nghiên cứu khoa học, phát triển kỹ năng chuyên môn, đạo đức và thái độ; Đặc biệt, có nhiệm vụ hướng dẫn sinh viên hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học là bắt buộc đối với sinh viên thuộc chương



trình CNTT (kỷ yếu hội thảo khoa học, bài báo khoa học, đề tài nghiên cứu khoa học, luận văn tốt nghiệp);

c) Cố vấn chuyên môn hỗ trợ, giới thiệu sinh viên tham gia các chương trình tham quan, kiến tập, thực tập thực tế;

d) Khoa/Bộ môn phụ trách chuyên môn đề xuất danh sách cố vấn chuyên môn, Thường trực BDH phân công cụ thể giảng viên; Hiệu trưởng quyết định danh sách cố vấn chuyên môn;

e) Trong cùng một khóa học, một cố vấn chuyên môn không được hướng dẫn quá 4 sinh viên;

f) Được hưởng thù lao theo quy định tại bảng 2 Phụ lục 1 đính kèm theo quy định này.

Điều 10. Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học

1. Hai môn học tài năng chung: được tổ chức lớp học riêng, có trang bị đầy đủ tiện nghi cho giảng dạy và học tập: máy chiếu, micro không dây, đường truyền Internet tốc độ cao, ...;

2. Sinh viên tham gia CT CNTT được tặng các giáo trình trong chương trình học do Trường phát hành, được mượn giáo trình và sách tham khảo đối với từng học kỳ;

3. Sinh viên tham gia CT CNTT được ưu tiên sử dụng phòng tự học, phòng máy tính, thư viện, phòng thực hành mô phỏng;

4. Sinh viên tham gia CT CNTT được hỗ trợ chỗ ở trong ký túc xá của ĐHQG-HCM.

Điều 11. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng

1. Sinh viên theo học CT CNTT được xét được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng nếu hội đủ các điều kiện sau:

a) Hoàn thành chương trình đào tạo cử nhân tài năng (đạt số tín chỉ tài năng tích lũy ít nhất 25% tổng số tín chỉ của toàn chương trình);

b) Hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn theo kế hoạch giảng dạy;

c) Hoàn thành nghĩa vụ nghiên cứu khoa học: có bài đăng trong kỷ yếu hội thảo khoa học, bài báo khoa học hoặc đề tài nghiên cứu khoa học được nghiệm thu cấp Trường;

d) Có điểm Khóa luận tốt nghiệp từ 8,0 trở lên, có điểm trung bình chung tích lũy từ 7,5 trở lên và có điểm rèn luyện từ 90 điểm trở lên;

e) Đạt chứng chỉ tiếng Anh theo Quy chế đào tạo và học vụ của trường (QĐ1525/QĐ-ĐHKTL ngày 12/12/2018 của Hiệu trưởng trường ĐH Kinh tế - Luật ban hành Quy định tổ chức giảng dạy, học tập tiếng Anh và chuẩn trình độ ngoại ngữ);

f) Hoàn tất nghĩa vụ tài chính theo quy định của Trường;

g) Tại thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập.

2. Về hình thức, bằng tốt nghiệp sinh viên tham gia CT CNTN giống văn bằng chương trình đại trà nhưng trên bằng có ghi thêm “CỬ NHÂN TÀI NĂNG”, “HONOUR PROGRAM”;

3. Sinh viên đã đăng ký học chương trình tài năng nhưng bị loại khỏi chương trình CNTN hoặc hết thời gian cho phép học tại trường mà chưa đủ điều kiện tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận kết quả học tập của các môn học tài năng đã học trong chương trình đào tạo.

Điều 12. Cơ cấu về tài chính

1. Kinh phí đề án chương trình Cử nhân tài năng

Kinh phí NSNN cấp cho CT CNTN căn cứ vào số sinh viên thực tế của chương trình với định mức là 11.000.000 đồng/01 sv/năm. Cơ cấu chi CT CNTN như sau:

TT	Nội dung	Người học	Nghiệp vụ chuyên môn	Ghi chú
1	Chi học bổng khuyến khích học tập	15%		Sự nghiệp
2	Chi hoạt động kiến tập, thực tế của sinh viên (Mức chi hàng năm BDH sẽ xem xét phê duyệt, cân đối dựa trên tổng nguồn kinh phí phân bổ cho 4 năm học)	16%		Sự nghiệp
3	Chi NCKH, học thuật cho sinh viên	3%		Sự nghiệp
4	Chi tài liệu, giáo trình cho sinh viên	3%		Sự nghiệp
5	Thù lao giảng		25%	NSNN
6	Chi nghiệp vụ quản lý		3%	Sự nghiệp
7	Đào tạo bồi dưỡng, tài liệu, giáo trình, trao đổi kinh nghiệm cho giảng viên		1,5%	Sự nghiệp
8	Trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp		25%	Sự nghiệp
9	Tỷ lệ đóng góp ĐHQG-HCM		3%	Sự nghiệp
10	Chênh lệch thu-chi		5,5%	Sự nghiệp
	Có khoảng linh động khi thiếu cho sv CNTN			
	TỔNG CỘNG	37%	63%	

2. Định mức chi của CT CNTN

Chi tiết định mức thu, chi về hoạt động cho CT CNTN (theo phụ lục 1 kèm theo Quy định này). Căn cứ sĩ số sinh viên, môn học thực tế và yêu cầu đáp ứng đào tạo hàng năm, Ban Điều hành sẽ điều chỉnh cơ cấu chi cho phù hợp.

Điều 13. Quản lý, kiểm soát đánh giá chương trình

1. Trường tổ chức đào tạo CT CNTN tuân thủ các quy định về đào tạo Cử nhân tài năng của Bộ Giáo dục & Đào tạo và của ĐHQG-HCM;

2. Ban Điều hành đề án và các Khoa/Bộ môn đào tạo xây dựng kế hoạch và triển khai triệt để các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục các CT CNTN;

3. Ban Điều hành tổ chức lấy ý kiến của sinh viên sau mỗi học kỳ về nội dung, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá của giảng viên; công tác quản lý; điều kiện về cơ sở vật chất; điều kiện hỗ trợ về nghiên cứu khoa học; hợp tác quốc tế; các hoạt động về tư vấn, hướng nghiệp và phục vụ sinh viên; và các vấn đề khác;

4. Ban Điều hành và các Khoa/Bộ môn có trách nhiệm giải quyết và phản hồi các báo cáo, đề xuất, kiến nghị và phản ánh của giảng viên, viên chức và sinh viên.

CHƯƠNG IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành;
2. Trong quá trình thực hiện, Quy định này có thể được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế trên cơ sở các đề xuất của Ban Điều hành đề án chương trình CNTN. *gh*

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Tiến Dũng

